

Quy trình kiểm toán P.3

3. Kiểm toán tài sản và nguồn vốn

3.1. Kiểm toán các tài khoản tiền

3.1.1 Mục đích kiểm toán

- Nhằm xác định rằng số dư đã được báo cáo là hợp lý và đúng đắn, số tiền còn lại là có thực và đầy đủ; Số dư các khoản tiền mặt, tiền gửi trong suốt quá trình hoạt động có trong phạm vi định mức tồn quỹ của cấp trên quy định không và có đảm bảo phù hợp cho hoạt động của đơn vị không? Các khoản thu, chi tiền mặt, tiền gửi có hợp lý, hợp lệ và đúng đắn không.

- Đảm bảo rằng vàng, kim loại quý thực sự có vào ngày lập báo cáo và thuộc sở hữu của đơn vị, được định giá đúng, phù hợp các qui định của Nhà nước.

3.1.2 Nội dung kiểm toán

Các tài khoản trong mục này gồm: tiền mặt (cả VNĐ và ngoại tệ), ngân phiếu thanh toán, các chứng từ có giá trị ngoại tệ và kim loại quý, đá quý; Các khoản tiền gửi tại NHNN; Tiền, vàng gửi và cho vay TCTD khác. Kiểm toán các tài khoản tiền là việc xem xét tính trung thực, đầy đủ của số liệu cũng như việc thực hiện các biện pháp an toàn đối với các khoản tiền hiện đang có ở đơn vị như: Chấp hành chế độ quản lý kho quỹ, việc điều chuyển tiền, hàng đặc biệt, chấp hành các chế độ ghi chép, hạch toán, báo cáo...

3.1.3 Phương pháp kiểm toán

Khi kiểm toán các tài khoản tiền, KTV phải xem xét tính hữu hiệu của hệ thống KSNB để đánh giá các rủi ro. Rủi ro kiểm toán thường là số dư các tài khoản trong BCTC bị ghi giảm đi, hoặc có thể được ghi tăng lên; Đối với ngoại tệ là các số dư cuối kỳ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam một cách không đúng (quy đổi sai tỷ giá hối đoái)...

- Kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa biên bản kiểm kê tiền mặt thực tế với số dư trên Bảng cân đối kế toán; Giữa tiền mặt thực tế với sổ sách kế toán; Giữa sổ nhật ký quỹ (kế toán) với sổ quỹ (thủ quỹ); Giữa sổ kế toán với báo cáo kế toán và số dư mang sang trên sổ sách kế toán. KTV có thể tiến hành kiểm kê tại thời điểm kiểm toán, rồi dùng phương pháp loại trừ để xác định số dư trên BCTC (trừ đi số tiền thu vào và cộng thêm các khoản đã chi ra tại thời điểm ghi trong bảng cân đối kế toán đến thời điểm kiểm kê, để xác định số dư tiền mặt tại quỹ có đúng với số tiền ghi trong bảng cân đối hay không). Biên bản kiểm kê quỹ phải có đầy đủ chữ ký của người chịu trách nhiệm về quỹ (thủ quỹ, kế toán, KSNB, giám đốc).

- KTV cần kiểm soát toàn bộ séc lĩnh tiền mặt đồng thời với việc kiểm kê tiền mặt. Các công việc sau đó thường liên quan đến việc so sánh tổng số chuyển tiếp với số dư sổ cái và xác định chênh lệch; Đánh giá từng khoản mục séc để xác định các khoản mục bất thường; Xác nhận tính hợp lý của việc thanh toán hay chi dùng khác. Đối với các khoản mục bị trả lại sau khi thanh toán, KTV phải xác định nguyên nhân và việc xử lý sau đó.

- Đối với các chứng khoán (chứng từ có giá): cách tiến hành tương tự như các khoản tiền. Cần lập riêng bảng kê các loại chứng khoán có thể mua bán được, các chứng khoán giữ hộ...

- Đối với các tài khoản ngoại tệ, ngoài việc tiến hành kiểm tra như đã nêu trên, cần phải tính toán lại việc chuyển đổi sang đồng Việt Nam bằng cách kiểm tra tỷ giá hối đoái tại thời điểm ghi trong bảng cân đối.

3.2. Kiểm toán các khoản đầu tư

3.2.1 Mục đích kiểm toán

Xác định các khoản đầu tư là có thực, thuộc sở hữu của đơn vị và có được phản ánh đúng đắn trong BCTC hay không; Thẩm tra xem danh mục chứng khoán bằng ngoại tệ có được xác định giá trị đúng hay không; Các khoản thua lỗ đã được lập dự phòng đầy đủ không; Đánh giá mức độ tuân thủ các qui định và nguyên tắc về đầu tư của NHNN.

3.2.2 Nội dung kiểm toán

Các khoản đầu tư gồm: chứng khoán kinh doanh; chứng khoán đầu tư; các công cụ tài chính phái sinh; Góp vốn đầu tư dài hạn...Kiểm toán để xác định một số vấn đề sau:

- Các khoản đầu tư có sự phê duyệt của Hội đồng quản trị hay không (trừ tiền gửi).
- Tính an toàn của các khoản đầu tư, hay mức độ rủi ro của các khoản đầu tư; Việc bảo quản các chứng khoán và việc kiểm kê định kỳ.
- Xác định nguồn vốn dùng để góp vốn kinh doanh; giới hạn được phép góp vốn kinh doanh.
- Việc chấp hành các qui định của NHNN.

3.2.3 Phương pháp kiểm toán

- KTV cần liệt kê các khoản đầu tư, góp vốn. Từ đó tiến hành kiểm tra, đối chiếu số liệu trên sổ sách kế toán, chứng từ gốc và các giấy báo Nợ, báo Có của

NHNN và các tổ chức khác. Xác định tính chính xác của chi phí đã bỏ ra (chú ý đến việc hạch toán giá mua thực tế: $\text{Giá mua} = \text{giá gốc} + \text{chi phí mua vào}$).

- Khi đơn vị có các trái phiếu, cổ phiếu hoặc các khoản đầu tư dài hạn khác, thì KTV phải kiểm tra thực tế các chứng khoán đó. Khi các khoản đầu tư này, do một bên thứ ba nắm giữ thì phải kiểm tra sự tồn tại của chúng, bằng cách có các xác nhận của người nắm giữ;

- Kiểm tra tính hợp pháp hợp lệ của từng hợp đồng góp vốn; Các điều khoản của hợp đồng và việc thực hiện hợp đồng. Đối chiếu lợi nhuận hoặc tổn thất trong liên doanh (đã được xác nhận của liên doanh), kiểm tra cổ phần của đơn vị trong BCTC liên doanh có khớp đúng với số liệu phản ánh trên sổ sách của đơn vị không?

- Đánh giá về hiệu quả của dự án và xác định tính đầy đủ về dự phòng cho việc suy giảm giá trị đầu tư, cũng như các khoản phải thu lãi cộng dồn (tùy theo sự thoả thuận đối với từng khoản đầu tư).

- Giá thị trường tại thời điểm ghi trong bảng cân đối, được xác định bằng cách kiểm tra giá cổ phần, hoặc trái phiếu của thị trường chứng khoán tại thời điểm đó. Căn cứ vào giá trên thị trường, tại thời điểm lập bảng cân đối và các chỉ số về thu nhập hàng năm của các loại chứng khoán đầu tư ngắn hạn, để xem xét việc lập khoản dự phòng giảm giá cho từng mục đầu tư có phù hợp hay không?

- Đánh giá việc chấp hành các quy định của NHNN.

3.3 Kiểm toán các khoản phải thu

3.3.1 Mục đích kiểm toán

Xác định rằng những khoản mục này được trình bày trong BCTC là thoả đáng và được phân loại chính xác; Bảo đảm rằng các khoản phải thu được thể hiện

trên BCTC có khả năng thu hồi được; Xác định mức độ đầy đủ các khoản dự phòng với việc thua lỗ có thể xảy ra.

3.3.2 Nội dung kiểm toán

Kiểm tra các khoản phải thu của khách hàng gồm: các khoản ký quỹ, thế chấp, cầm cố, các khoản thanh toán với NSNN và các khoản phải thu nội bộ, chi phí chờ phân bổ, các khoản phải thu khác...; xác nhận các khoản mục quan trọng, công tác theo dõi thu hồi, xoá nợ hoặc các xử lý khác.

3.3.3 Phương pháp kiểm toán

- Đối chiếu số liệu giữa BCTC, sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết và bản sao kê các khoản phải thu; so sánh số dư cuối năm với BCTC năm trước đã được duyệt, hoặc đã được kiểm toán, để có được sự giải thích cho những thay đổi quan trọng. Trên cơ sở đó lựa chọn mẫu, đối chiếu với chứng từ gốc.

- Xem xét nguồn gốc phát sinh các khoản phải thu, qui trình xét duyệt để thu hồi; Cần lưu ý đối với các khoản tồn đọng lâu ngày, những khoản vượt mức qui định... Phân loại các khoản phải thu có khả năng thu hồi hoặc không có khả năng thu hồi, các biện pháp đôn đốc để giải quyết dứt điểm... Cuối năm phải được xác nhận các khoản phải thu để đảm bảo rằng sẽ được thu hồi đúng hạn.

- Với các khoản ký quỹ thế chấp, cầm cố: đây là số tiền hoặc là các tài sản hiện vật, được đơn vị đem ra làm vật đảm bảo cho một cam kết với bên thứ ba, về một việc làm trong tương lai. Nếu chúng được thu về trước thời gian kiểm toán, thì phải kiểm tra các hồ sơ thu tiền... Nếu các khoản này vẫn chưa được trả về cho đơn vị, thì phải chứng minh được rằng thời hạn cho chúng vẫn còn hiệu lực và phải điều tra về khả năng thu hồi; Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn được chứng minh là không có khả năng thu hồi khi đơn vị không thực hiện theo hợp đồng, hoặc không có khả năng thực hiện các cam kết đó.

- Tính toán lại các khoản phải thanh toán với NSNN như tạm ứng nộp NSNN, thuế giá trị gia tăng đầu vào, các khoản chờ NSNN thanh toán có đúng không?

- Kiểm tra các khoản phải thu thực tế với các số dư cuối kỳ, bằng cách lấy xác nhận trực tiếp với khách hàng về các khoản nợ đó, KTV có thể thu được bằng chứng đáng tin cậy về sự tồn tại thực tế của khoản nợ và độ chính xác của các số dư tài khoản này đã được ghi sổ. Tuy nhiên, không thể xác nhận toàn bộ số dư tài khoản phải thu, nhưng hầu hết các khoản phải thu có số dư lớn phải được xác nhận trực tiếp với khách nợ; còn lại KTV sử dụng phương pháp chọn mẫu, để lấy xác nhận của khách hàng.

Các khoản phải thu được đánh giá là trung thực khi các khoản phải thu tồn tại thực tế tại thời điểm được đưa ra, khi khách hàng không có ý kiến bác bỏ về khoản nợ này và nó không được coi là không có khả năng thu hồi. KTV cần tập trung kiểm tra kỹ các khoản phải thu khó đòi, đã thanh lý trong kỳ để xem có khoản phải thu khó đòi nào đã được xóa sổ, thanh lý trong kỳ mà thực chất không phải như vậy.

- Các nghiệp vụ thanh toán nội bộ đơn vị gồm thanh toán liên hàng trong hệ thống (có thể là phải thu, hoặc phải trả) và các khoản phải thu, phải trả nội bộ. Cần kiểm tra thủ tục, qui trình và hạch toán thanh toán liên hàng để phát hiện các trường hợp thực hiện không đúng qui định; Chú ý kiểm tra việc xử lý các sai lầm và việc mở sổ sách ghi chép có đầy đủ hay không. Với các khoản phải thu nội bộ, cần rà soát lại các nội dung phát sinh công nợ, việc thanh quyết toán có kịp thời, đúng qui định hay không. Ngoài ra, cần kiểm tra xem việc phân loại các khoản phải thu nội bộ, có được thực hiện đúng đắn không.

Sau khi đã hoàn tất việc kiểm toán các khoản phải thu và đã thu được các bằng chứng (đầy đủ và tin cậy), KTV đưa ra kết luận về BCTC của đơn vị trình

bày có trung thực, hợp lý các khoản phải thu hay không? Phân loại các khoản nợ phải thu theo các nhóm: nợ luân chuyển bình thường, nợ tồn đọng và đánh giá khả năng thu hồi, không có khả năng thu hồi; Phân tích nguyên nhân tại thời điểm ghi trong bảng cân đối kế toán.

- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi, phải được cân nhắc cẩn thận cho bất cứ khoản phải thu nào tại thời điểm ghi trong bảng cân đối, vẫn chưa được thu hồi vào thời điểm kiểm toán. KTV phải kiểm tra các khoản phải thu lớn, đã quá hạn so với thời điểm ghi trong bảng cân đối, để đánh giá khả năng thu hồi và không có khả năng thu hồi của các khoản phải thu.

3.4. Kiểm toán các khoản lãi cộng dồn dự thu

3.4.1 Mục đích kiểm toán

- Nhằm đảm bảo rằng, BCTC đã phản ánh chính xác các khoản thu nhập đúng đắn, thích ứng với các khoản chi phí đã bỏ ra trong một thời kỳ kế toán.

- Kiểm tra các khoản lãi phải thu đã được tính và lũy kế trong các tài khoản; Các khoản lãi không thực hiện được, hoặc có dấu hiệu nghi vấn không được lũy kế.

3.4.2 Nội dung kiểm toán

Kiểm toán các khoản tiền lãi cộng dồn dự tính thu được, được tính trên các khoản tiền gửi, cho vay, đầu tư chứng khoán ở trong và ngoài nước mà đơn vị sẽ được nhận khi đến hạn thanh toán. Ở tài khoản này, đơn vị không quan tâm tới việc đã nhận được tiền hay chưa, mà được hạch toán thu nhập khi tiền lãi phát sinh, được ghi nhận trong kỳ tính lãi .

3.4.3 Phương pháp kiểm toán

- Ngoài việc xác nhận các khoản lãi đã thu (thu nhập thực), còn phải xác nhận các khoản thu nhập trong tương lai. Tính toán xem các khoản tiền lãi cộng dồn đã chính xác chưa? Đặc biệt, cần đối chiếu với kết quả đánh giá danh mục cho vay và đầu tư; Cần chú ý đối với việc tính lãi dự thu đối với các khoản nợ luân chuyển bình thường, nợ quá hạn. Khi kiểm toán các tài khoản này cần gắn liền với việc trích lập dự phòng nợ khó đòi.

- Dùng phương pháp đối chiếu để xem xét việc hạch toán số liệu trên các tài khoản này đã đảm bảo tuân thủ các qui định chưa. Với các khoản nợ bằng ngoại tệ thì cần kiểm tra thêm việc chuyển đổi sang đồng Việt Nam vào ngày lập báo cáo.

- Đánh giá các khoản lãi được miễn, giảm, xoá nợ bằng cách: đối chiếu với các qui định và hướng dẫn có liên quan của Chính phủ, Bộ Tài chính và NHNN.

3.5. Kiểm toán công cụ lao động và vật liệu

3.5.1 Mục đích kiểm toán

Xác định tính tồn tại và tính đúng đắn về giá trị của các tài sản theo các nguyên tắc kế toán; đồng thời, KTV phải có ý kiến về việc đầu tư tiền vào các tài sản này có phù hợp với các nguyên tắc, các qui định hay không?

3.5.2 Nội dung kiểm toán

- Kiểm tra việc mở sổ sách theo dõi, việc lưu giữ các chứng từ gốc về việc mua sắm công cụ dụng cụ, trang thiết bị, vật liệu.

- Xác định giá trị công cụ lao động và vật liệu đã xuất dùng, giá trị tồn kho có phù hợp với số liệu kiểm kê không; Xác định trách nhiệm việc quản lý và sử dụng tài sản.

- Việc thực hiện định mức sử dụng vật liệu, công cụ dụng cụ và quy trình quản lý vật liệu, công cụ dụng cụ tại đơn vị?

3.5.3 Phương pháp kiểm toán

Chủ yếu dùng phương pháp kiểm tra chi tiết và phân tích, so sánh với các qui định về quản lý và sử dụng công cụ lao động, vật liệu.

- Đối chiếu biên bản kiểm kê với sổ sách kế toán và BCTC. Nếu thấy cần thiết có thể cho tiến hành kiểm kê.

- Kiểm tra việc mở sổ sách theo dõi công cụ lao động (số lượng, hiện vật, giá trị). Việc hạch toán giá trị công cụ lao động đưa ra sử dụng, phân bổ vào chi phí và giá trị xuất khỏi tài sản của đơn vị.

- Kiểm tra việc mua sắm: dự toán, số lượng, chủng loại, giá cả có phù hợp không?

- Việc mở sổ sách chi tiết theo dõi vật liệu; việc kiểm tra đối chiếu, kiểm kê hàng tháng; Việc giao nhận, bảo quản, sử dụng và hạch toán vào chi phí...

3.6. Kiểm toán tài sản cố định và bất động sản đầu tư

3.6.1 Mục đích kiểm toán

Xác định tính tồn tại, quyền sở hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt các tài sản đó. Xác định đúng giá trị của các tài sản theo các nguyên tắc kế toán; Bảo đảm rằng các TSCĐ được khấu hao phù hợp các qui định của Nhà nước; KTV phải có ý kiến về việc đầu tư tiền vào các tài sản này có phù hợp với các nguyên tắc, các qui định hay không? Đồng thời, bảo đảm có sự kiểm soát đầy đủ việc quản lý các TSCĐ đó.

3.6.2 Nội dung kiểm toán

TSCĐ bao gồm: TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư. Kiểm tra xem các TSCĐ đó đã được quản lý, sử dụng và hạch toán có đúng chế độ quy định không.

3.6.3 Phương pháp kiểm toán

- Kiểm tra hồ sơ, thủ tục: các thủ tục phê duyệt, cấp vốn, điều động vốn, hợp đồng mua bán, biên bản nghiệm thu, bàn giao tài sản, hồ sơ đấu thầu đối với các TSCĐ có giá trị lớn.... Giá cả có hợp lý không? Chứng từ, hoá đơn có hợp lệ, hợp pháp không? Việc thanh quyết toán đã chính xác chưa? Một vấn đề mà KTV cần lưu ý là xác định sự tồn tại có thực đối với các tài sản đã kiểm tra và quyền sở hữu đối với tài sản đó.

- Kiểm tra việc lập thẻ TSCĐ; Đối chiếu về mặt giá trị giữa sổ kế toán chi tiết và thẻ TSCĐ.

- Kiểm tra việc hạch toán tăng, giảm TSCĐ; Việc theo dõi, quản lý TSCĐ, trích khấu hao; thanh lý TSCĐ đã chấp hành các quy định như thế nào?

+ Đối với TSCĐ hữu hình, thông qua việc kiểm kê thực tế, đối chiếu với sổ sách và BCTC, với các văn bản, chứng từ hợp lý, hợp lệ khi ghi tăng, giảm TSCĐ.

+ Với các công trình XD CB: kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư XD CB trong các bước chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và quyết toán vốn đầu tư; Hợp đồng cung cấp vật tư, thiết bị; Hồ sơ đấu thầu, chọn thầu; Hồ sơ quyết toán công trình...

+ Đối với TSCĐ thuê tài chính: KTV phải kiểm tra các hợp đồng thuê tài chính về nội dung và việc thực hiện các điều khoản; Kiểm tra, đối chiếu giá trị với

số dư tài khoản thuê tài chính; Kiểm tra việc trích và trả nợ gốc, nợ lãi có theo đúng qui định trong hợp đồng thuê tài sản không.

+ Đối với TSCĐ vô hình: cần xác định các bằng chứng về sự tồn tại của TSCĐ vô hình như quyền sử dụng đất, các công trình nghiên cứu, phát triển, chi phí chuyển giao công nghệ ... được cơ quan chuyên môn ghi nhận là đã đăng ký bản quyền và các chứng từ, hoá đơn xác nhận thực tế đã chi ra.

- Chú ý phát hiện những trường hợp quản lý TSCĐ thiếu chặt chẽ, TSCĐ để ngoài sổ sách, không trích khấu hao hoặc trích không đúng tỷ lệ qui định, trích khấu hao đối với TSCĐ không thuộc loại phải khấu hao, hoặc TSCĐ đã hết thời gian sử dụng...

- KTV cần tính toán, xác định việc mua sắm, đầu tư TSCĐ đảm bảo trong phạm vi cho phép: không quá 50% vốn tự có. Cần chú ý qui định đơn vị không được phép trực tiếp kinh doanh bất động sản.

3.7. Kiểm toán chi phí XD CB dở dang

3.7.1 Mục đích kiểm toán

Kiểm tra và xác định đúng những khoản xây dựng cơ bản dở dang.

3.7.2 Nội dung kiểm toán

Kiểm tra chi phí xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mua sắm TSCĐ đến thời điểm kết thúc năm tài chính chưa hoàn thành, bàn giao để trở thành TSCĐ

3.7.3 Phương pháp kiểm toán

Để xác định đúng các chi phí XD CB dở dang, cần kiểm tra các công việc của KSNB đối với các công trình xây dựng. Chi phí XD CB dở dang trong bảng

cân đối có thể bị ghi tăng lên. Điều này có thể xảy ra do khi số tiền chưa được chi cho các công trình, nhưng được hạch toán với sự đồng ý của người lãnh đạo đơn vị; Cần lưu ý là nguyên vật liệu đưa vào công trình có đúng chủng loại, định mức kinh tế kỹ thuật như thiết kế, dự toán được duyệt hay không?

- KTV có thể kiểm tra thực tế, so sánh khối lượng thực tế với sổ sách. Trong tất cả các trường hợp, KTV phải tiến hành kiểm tra các tài liệu bổ sung cho chi phí XDCCB dở dang, tại thời điểm ghi trong bảng cân đối; đặc biệt là việc kiểm tra các hoá đơn mua nguyên vật liệu có được nhập và xuất kho, đưa vào cho công trình có đúng chủng loại và định mức kinh tế kỹ thuật không?

- Xem xét lại hồ sơ các công trình, các khoản mục và xác định tính chất đúng đắn của các khoản chi phí dở dang có sát thực không? Có thực sự là chưa hoàn thành, hay còn vướng mắc chưa quyết toán được, mặc dù công trình đã hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng; hay vì một lý do nào đó mà còn hạch toán trên tài khoản này.

3.8 Kiểm toán các khoản nợ

3.8.1 Các khoản nợ

a) Mục đích kiểm toán

- Xác định số tiền đơn vị nợ về các loại tiền gửi, tiền vay cũng như các khoản thu, chi liên quan đã được hạch toán và trình bày trên báo cáo có theo các nguyên tắc kế toán hay không?

- Bảo đảm lãi suất trả cho khách hàng là đúng đắn.

- Xác định mức độ hợp lý của việc phân loại các tài khoản trong BCTC? Bảo đảm có sự kiểm soát đối với việc mở, đóng tài khoản cũng như các khoản gửi và rút tiền.

b) Nội dung kiểm toán

Kiểm tra sự đầy đủ và đúng đắn của các khoản nợ Chính phủ và NHNN; Tiền gửi và vay các TCTD khác; Vốn tài trợ ủy thác đầu tư; Tiền gửi của khách hàng; phát hành giấy tờ có giá.

Đây là các khoản tiền gửi và vay của khách hàng (NHNN, KBNN, TCTD khác, doanh nghiệp, tổ chức đoàn thể, cá nhân..) và phần vốn do đơn vị phát hành các loại giấy tờ có giá trị, để huy động vốn như chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu...

c) Phương pháp kiểm toán

- Đối chiếu số liệu trên BCTC với sổ tổng hợp, sổ kế toán chi tiết, sao kê, từ đó tiến hành chọn mẫu để tiến hành các thử nghiệm khác.

- Trên cơ sở các thể lệ, chế độ về tiền gửi, tiền gửi tiết kiệm, kỳ phiếu, trái phiếu, lãi suất...kiểm tra việc hạch toán kế toán, lãi suất áp dụng, phương thức thanh toán, việc thực hiện tính và trả lãi. Chú ý việc thanh toán trả lãi trước kỳ hạn các khoản tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, kỳ phiếu, trái phiếu... Khi đơn vị huy động vốn dưới hình thức tín phiếu, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi có được phép không? Có văn bản chấp thuận không?

+ Kiểm tra, đối chiếu chứng từ gốc với nhật ký quỹ và các sổ chi tiết, sổ tổng hợp (chọn mẫu).

+ Với loại huy động trả lãi trước phải kiểm tra số lãi đã trả so với phiếu chi đã được đóng trong nhật ký.

+ Có thể đối chiếu với khách hàng để xác nhận một số khoản tiền gửi.

- Đối với các tài khoản tạm ngừng hoạt động cần chú ý đến việc chúng đã được tách theo dõi riêng và kiểm soát chặt chẽ không? Nếu có phát sinh thu - chi cần xem xét tính hợp lý, hợp lệ và hợp pháp một cách cụ thể.

- Đối với các khoản phải trả có lãi cộng dồn, cần kiểm tra sự hợp lý của các tài khoản, như: lãi tiền gửi có thể thẩm tra thông qua việc tính toán lãi đã trả và cộng dồn; Các chi phí về lãi suất, có thể liên quan đến số dư bình quân của các tài khoản phát sinh lãi phải trả và mức lãi suất trong thời gian đó.

- Thu từ dịch vụ phí phải được kiểm tra để xác định mức độ đúng đắn của việc thu đối với từng loại dịch vụ, phù hợp với các chính sách của đơn vị.

- Phân tích số liệu: xem xét tính hợp lý; nhận dạng các biến động bất thường; so sánh số dư các thời kỳ với nhau; chi phí trả lãi tiền gửi với số dư...

3.8.2 Các khoản phải trả

a) Mục đích kiểm toán

Xác nhận rằng các khoản nợ phải được hạch toán theo đúng các nguyên tắc kế toán, và được phản ánh đầy đủ, chính xác trong BCTC.

b) Nội dung kiểm toán

Xác định số liệu, sự phù hợp, đúng đắn, đầy đủ tại thời điểm báo cáo, bao gồm các khoản phải trả về XDChB, mua sắm TSCĐ, tiền giữ hộ và đợi thanh toán, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, chuyển tiền phải trả, nhận ký quỹ, phải trả cán bộ, công nhân viên...

c) Phương pháp kiểm toán

- Đối chiếu số liệu trên BCTC với sổ tổng hợp, sổ kế toán chi tiết, sao kê. Từ đó tiến hành chọn mẫu để kiểm tra chứng từ gốc và các tài liệu khác có liên quan.

- Kiểm tra việc tuân thủ qui trình XD CB, mua sắm TSCĐ; Tính toán lại số phải nộp NSNN; Việc trích lập và sử dụng quỹ tiền lương, có chấp hành đúng các qui định không? Đối với các khoản phải trả nội bộ cần xem xét kỹ nguồn gốc phát sinh các khoản này, và công tác thanh, quyết toán.

Với các khoản mục lớn bất thường và các khoản tồn đọng lâu ngày chưa được giải quyết phải xem xét kỹ hồ sơ, xác định nguyên nhân, nội dung cụ thể và có phương án xử lý cụ thể.

- Nếu xét thấy cần thiết, KTV phải lấy xác nhận của từng chủ nợ.

3.9. Kiểm toán nguồn vốn chủ sở hữu và các quỹ

3.9.1 Mục đích kiểm toán

Xác định rằng các khoản mục vốn, quỹ được ghi nhận theo đúng các nguyên tắc kế toán, tài chính; Các biến động đều phải được uỷ quyền hợp pháp hay được phê duyệt theo các qui định.

3.9.2 Nội dung kiểm toán

Kiểm toán để xác định nguồn vốn chủ sở hữu bao gồm: Vốn của tổ chức tín dụng (Vốn điều lệ; Vốn đầu tư XD CB; thặng dư vốn cổ phần; cổ phiếu quỹ; cổ phiếu ưu đãi; Vốn khác); Các quỹ của TCTD (Quỹ dự trữ bổ xung vốn điều lệ; Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ dự phòng tài chính; Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm; quỹ khen thưởng phúc lợi; Quỹ khác); Chênh lệch tỷ giá hối đoái; Chênh lệch đánh giá lại tài sản; Lợi nhuận chưa phân phối.

3.9.3 Phương pháp kiểm toán

- Kiểm tra việc cấp vốn ban đầu, cấp bổ sung, các nguồn khác và các phê duyệt liên quan đến nguồn vốn chủ sở hữu.

- Kiểm tra việc hạch toán tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu trong kỳ: đối chiếu chi tiết với tổng hợp; Kiểm tra chứng từ gốc để xác định tính hợp lệ của nghiệp vụ (có đúng với qui định về quản lý tài chính và điều lệ không?); Có được ghi chép đúng với chế độ kế toán không?

- Việc trích lập và sử dụng các quỹ có đúng qui định không?

- Đối với các quỹ phát triển kinh doanh, quỹ dự trữ, quỹ khen thưởng và phúc lợi, nguồn vốn XDCB, KTV cần tiến hành các công việc sau:

+ Đối chiếu số dư đầu kỳ với BCTC đã được phê duyệt hoặc được kiểm toán của năm trước.

+ Kiểm tra các tài liệu hỗ trợ, để đảm bảo rằng những thay đổi trong năm đối với các tài khoản này đã được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền và được vào sổ một cách đúng đắn.

- Kiểm tra việc đánh giá lại tài sản và tỷ giá có theo đúng các qui định của Nhà nước không? KTV cần đánh giá phương pháp hạch toán chênh lệch tỷ giá của đơn vị có phù hợp với chế độ kế toán hiện hành và áp dụng một cách nhất quán không? KTV thu thập hoặc phân tích chênh lệch tỷ giá cho số ngoại tệ còn tồn đến 31/12 theo tỷ giá quy định tại thời điểm ghi trong bảng cân đối.

- Kiểm tra các nghiệp vụ xử lý chênh lệch đánh giá lại tài sản có được xét duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền không? KTV có thể kiểm tra chênh lệch đánh giá lại tài sản theo cách:

+ Đối chiếu số dư đầu kỳ với BCTC đã được duyệt, hoặc kiểm toán năm trước.

+ Đối chiếu việc đánh giá lại trong năm, với báo cáo đánh giá hoặc các tài liệu hỗ trợ khác, đồng thời đối chiếu với công việc kiểm toán đã được thực hiện về phần TSCĐ.

+ Kiểm tra các tài sản đã đánh giá, được bán ra mà đã được trích khấu hao toàn bộ không.

Khi kiểm toán đối với nguồn vốn - quỹ, thông thường KTV sử dụng phương pháp phân tích cơ cấu nguồn vốn và các chỉ số, để đánh giá tình hình sử dụng vốn và nguồn vốn của đơn vị.

Xem xét tình hình tăng, giảm cơ cấu nguồn vốn, cụ thể từng trường hợp, KTV có thể đánh giá chiều hướng phát triển của đơn vị tốt hay xấu.

- Kiểm toán lãi chưa phân phối

Đối chiếu số dư đầu kỳ với BCTC của năm trước đã được phê duyệt hoặc được kiểm toán; Đối chiếu lãi hoặc lỗ trong năm với báo cáo lãi lỗ; Đối chiếu và tính toán kiểm tra việc phân phối lãi...

3.10. Kiểm toán các tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán

3.10.1 Mục đích

Kiểm toán tính đầy đủ, trung thực, hợp lý số liệu các tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán

3.10.2 Nội dung

Theo các chỉ tiêu cụ thể quy định tại mẫu biểu về các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối của NHNN

3.10.3 Phương pháp kiểm toán

Áp dụng theo các phương pháp kiểm toán như các khoản nợ phải thu, phải trả, các khoản tiền và tài sản phản ánh trong nội bảng cân đối kế toán như đã nêu trên.